

UBND QUẬN GÒ VẤP
HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP PHỔ BIẾN
GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

Số: 394 /HĐPH

Về triển khai thực hiện tờ gấp
tuyên truyền phổ biến pháp luật.

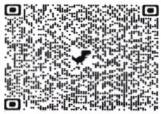




CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc


Gò Vấp, ngày 24 tháng 3 năm 2023

Kính gửi:

- Ủy ban MTTQ Việt Nam và các đoàn thể quận;
- Các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc quận;
- Thành viên HĐPHPBGDPL quận;
- Ủy ban nhân dân 16 phường;
- Báo cáo viên pháp luật quận;
- Tuyên truyền viên pháp luật phường.

Thực hiện Điều 10, 11 Luật Phổ biến giáo dục pháp luật quy định nội dung, hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật; từ đầu năm 2023 các đơn vị thành viên Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật quận đã thực hiện phổ biến giáo dục pháp luật bằng nhiều hình thức tại đơn vị và trong địa bàn dân cư, trong đó có thực hiện tuyên truyền bằng tờ gấp đã chuyển Phòng Tư pháp thẩm định và đăng trên trang thông tin tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật Thành phố.

STT	Nội dung	Đường Link	Đơn vị thực hiện
1	Quận Gò Vấp biên soạn tài liệu "Trình tự thủ tục bầu, công nhận hòa giải viên"		Phòng Tư pháp
2	Quận Gò Vấp biên soạn tài liệu "Quy trình tiến hành một cuộc hòa giải ở cơ sở"		Phòng Tư pháp
3	Quận Gò Vấp biên soạn tài liệu "Một số quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo trợ, trợ giúp xã hội và trẻ em"		Phòng Tư pháp
4	Quận Gò Vấp biên soạn tờ gấp "Những quy định mới trong Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tàn số vô tuyến điện"		Phòng Văn hóa và Thông tin
5	Quận Gò Vấp biên soạn tờ gấp "Một số quy định của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình"		Phòng Văn hóa và Thông tin

6	Quận Gò Vấp biên soạn tài liệu "Một số quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng thực"		Phòng Tư pháp
---	---	---	---------------

Đề nghị các đơn vị, Ủy ban nhân dân 16 phường, Báo cáo viên, Tuyên truyền viên pháp luật quan tâm triển khai đến nhân dân bằng các hình thức phù hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TP (Lành).

**KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



**TRƯỞNG PHÒNG TƯ PHÁP
Nguyễn Thị Thu Yên**



TRÌNH TỰ THỦ TỤC BẦU, CÔNG NHẬN HÒA GIẢI VIÊN

(Luật số 35/2013/QH13, ngày 20/6/2013 về
Hòa giải ở cơ sở)

1. Tiêu chuẩn hòa giải viên (Điều 7 Luật hòa giải ở cơ sở)

Người được bầu làm hòa giải viên phải là công dân Việt Nam thường trú tại cơ sở, tự nguyện tham gia hoạt động hòa giải và có các tiêu chuẩn sau đây:

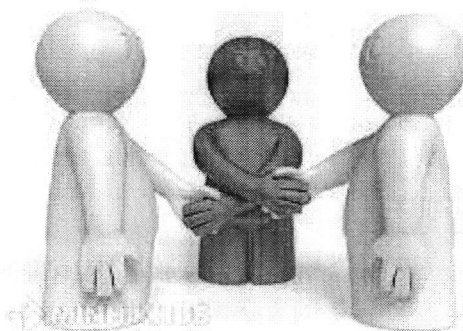
1. Có phẩm chất đạo đức tốt; có uy tín trong cộng đồng dân cư;
2. Có khả năng thuyết phục, vận động nhân dân; có hiểu biết pháp luật.

2. Các bước tiến hành

Địa điểm thực hiện: Ở thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khối phố (gọi là khu dân cư)

Tổ bầu hòa giải viên gồm:

- Trưởng ban công tác Mặt trận là Tổ trưởng tổ bầu hòa giải viên.
- Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là Phó Tổ trưởng tổ bầu hòa giải viên
- Đại diện các tổ chức thành viên của Mặt trận (như đại diện của Chi ủy, Hội Nông dân, Hội phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội người cao tuổi, Đoàn thanh niên cộng sản HCM...) là thành viên tổ bầu hòa giải viên



Bước 1: Lập danh sách bầu hòa giải viên

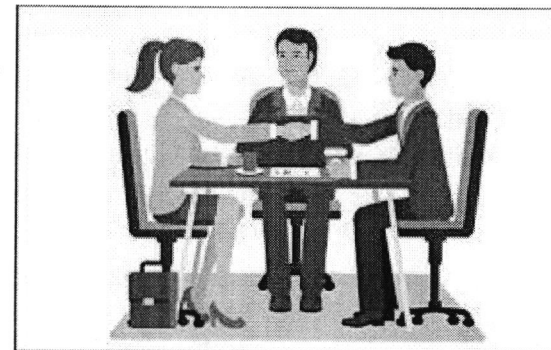
Danh sách bầu hòa giải viên gồm những người sau:

- Người tự ứng cử
- Người được giới thiệu

Ban công tác Mặt trận và các tổ chức thành viên của Mặt trận giới thiệu người vào danh sách bầu hòa giải viên. Việc đưa người được giới thiệu vào danh sách bầu hòa giải viên chỉ thực hiện sau khi đã trao đổi, động viên và

nhận được sự đồng ý của những người được giới thiệu.

Bước 2: Quyết định thời gian và hình thức bầu hòa giải viên



Việc tổ chức bầu hòa giải viên bằng một trong hình thức sau đây

- Tổ chức cuộc họp đại diện các hộ gia đình để bầu hòa giải viên
- Phát phiếu lấy ý kiến các hộ gia đình

Bước 3: Thông báo công khai danh sách bầu hòa giải viên

Trong thời hạn 07 ngày, trước ngày bầu hòa giải viên, Danh sách bầu hòa giải viên được thông báo công khai tại thôn, tổ dân phố.

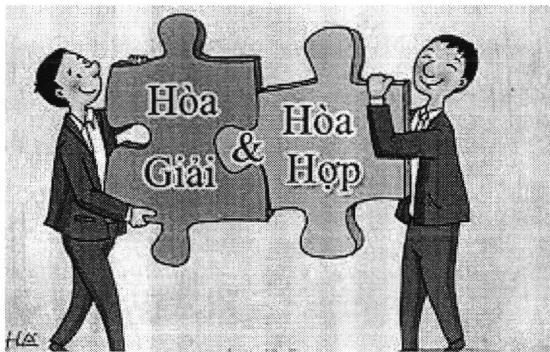
Bước 4: Tổ chức bầu hòa giải viên

4.1. Tổ chức cuộc họp đại diện các hộ gia đình để bầu hòa giải viên

Đối với hình thức tổ chức cuộc họp đại diện các hộ gia đình để bầu hòa giải viên chỉ tiến hành khi có trên 50% đại diện các hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố trở lên tham dự.

Thủ tục bầu hòa giải viên thực hiện như sau:

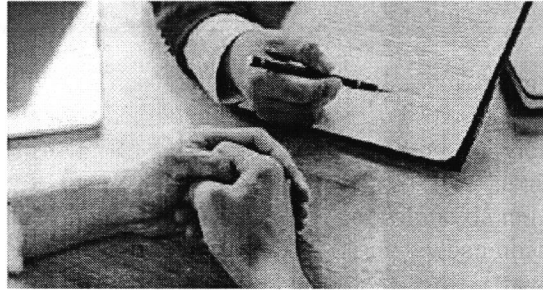
- Đại diện Tổ bầu hòa giải viên giới thiệu danh sách Tổ bầu hòa giải viên;
- Đại diện Tổ bầu hòa giải viên đọc tiêu chuẩn hòa giải viên (đọc Điều 7 Luật hòa giải ở cơ sở)
- Đại diện Tổ bầu hòa giải viên đọc danh sách bầu hòa giải viên
- Đại diện Tổ bầu hòa giải viên lấy ý kiến và thống nhất hình thức bầu hòa giải viên bằng biểu quyết công khai hay bỏ phiếu kín.
- Đối với hình thức biểu quyết công khai (giơ tay biểu quyết): Tổ bầu hòa giải viên trực tiếp đếm số người biểu quyết và lập biên bản về kết quả biểu quyết (theo mẫu 01)
- Đối với hình thức bỏ phiếu kín: Tổ bầu hòa giải viên phát phiếu, phổ biến quy chế bỏ phiếu, thu nhận phiếu và kiểm phiếu ngay sau khi kết thúc việc bỏ phiếu với sự có mặt chứng kiến của ít nhất 01 đại diện hộ gia đình không có thành viên trong danh sách bầu hòa giải viên; lập biên bản kiểm phiếu (theo mẫu 02).



4.2. Phát phiếu lấy ý kiến các hộ gia đình

Tổ bầu hòa giải viên phát phiếu bầu đến các hộ gia đình, thu nhận lại phiếu bầu và kiểm phiếu với sự có mặt chứng kiến của ít nhất 01 đại diện hộ gia đình không có thành viên trong danh sách bầu hòa giải viên, lập biên bản kiểm phiếu (theo mẫu 03).

Bước 5: Lập và gửi danh sách đề nghị công nhận hòa giải viên



- Trường ban công tác Mặt trận lập danh sách người được đề nghị công nhận là hòa giải viên gồm những người có kết quả bầu hòa giải viên đạt trên 50% đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố đồng ý.

Trường hợp số người đạt trên 50% đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố đồng ý nhiều hơn số lượng hòa giải viên được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thì Trường ban công tác Mặt trận lập danh sách những người được đề nghị công nhận là hòa giải viên lấy theo kết quả bỏ phiếu từ cao xuống thấp, trong đó bao gồm những người có số phiếu bằng nhau.

- Gửi danh sách đề nghị công nhận hòa giải viên cho Chủ tịch UBND cấp xã.

Trường ban công tác Mặt trận gửi cho Chủ tịch UBND cấp xã những giấy tờ sau:

+ Danh sách người được đề nghị công nhận là hòa giải viên (theo mẫu 06).

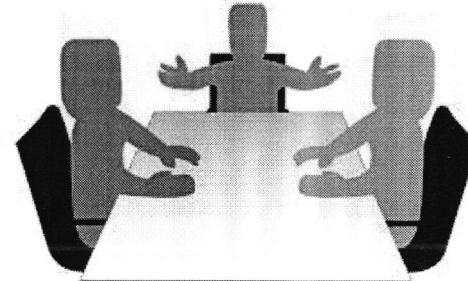
+ Một trong ba biên bản sau

- o Biên bản kết quả biểu quyết (đối với trường hợp biểu quyết công khai, mẫu 01)
- o Biên bản kiểm phiếu (đối với trường hợp bỏ phiếu kín, mẫu 02)
- o Biên bản kiểm phiếu (đối với trường hợp phát phiếu lấy ý kiến, mẫu 03).

Bước 6: Ra quyết định công nhận hòa giải viên

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được danh sách người được đề nghị công nhận hòa giải viên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ra quyết định.

Quyết định công nhận hòa giải viên được gửi cho Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, Trường ban công tác Mặt trận, trường thôn, tổ trưởng tổ dân phố, hòa giải viên và thông báo công khai ở thôn, tổ dân phố.



Gò Vấp, ngày 15 tháng 3 năm 2023



QUY TRÌNH TIẾN HÀNH MỘT CUỘC HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ

(Luật số 35/2013/QH13, ngày 20/6/2013 về hòa giải ở cơ sở)

1. Căn cứ tiến hành hòa giải ở cơ sở (Điều 16 Luật hòa giải ở cơ sở)

Hòa giải ở cơ sở được tiến hành khi có một trong các căn cứ sau đây:

1. Một bên hoặc các bên yêu cầu hòa giải;
2. Hòa giải viên chứng kiến hoặc biết vụ, việc thuộc phạm vi hòa giải;
3. Theo phân công của tổ trưởng tổ hòa giải hoặc đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Quy trình tiến hành một cuộc hòa giải

2.1. Chuẩn bị hòa giải

- Hòa giải viên phải tìm hiểu nội dung vụ việc, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, tranh chấp, lợi ích mà mỗi bên hướng tới. Để nắm được các thông tin này, hòa giải viên cần gặp gỡ, trao đổi với từng bên tranh chấp (có thể gặp ở nhà riêng của mỗi bên hoặc gặp tại nơi thuận

tiện như quán cà phê hoặc trong giờ giải lao tại nơi làm việc...). Ngoài ra, để nắm được tổng thể vụ việc một cách khách quan, toàn diện, hòa giải viên nên gặp gỡ, trao đổi với những người có liên quan, người biết về vụ, việc (như hàng xóm, cha, mẹ, con của các bên tranh chấp). Hòa giải viên cũng cần đề nghị được cung cấp tài liệu, bằng chứng liên quan đến vụ việc và xem xét cụ thể, tỉ mỉ các tài liệu, bằng chứng đó.



- Hòa giải viên phải tìm hiểu các quy định pháp luật điều chỉnh trực tiếp mối quan hệ giữa các bên mâu thuẫn, tranh chấp. Hòa giải viên cần đọc quy định pháp luật (Bộ Luật, Luật, Nghị định, Thông tư), các tài pháp luật liên quan điều chỉnh vấn đề, nội dung tranh chấp, mâu thuẫn giữa các bên để đối chiếu quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mỗi bên trong mối quan hệ đó. Hòa giải viên phải trả lời được các câu hỏi: Ai sai, ai đúng, sai đến đâu và đúng ở mức độ nào, pháp luật quy định về vấn đề này như thế nào, vấn đề này sẽ giải quyết như thế nào theo quy định pháp luật. Trong trường hợp cần thiết, hòa giải viên có thể đưa vụ, việc ra trao đổi, thảo luận trong Tổ hòa giải để tìm ra các quy định pháp luật thích hợp áp dụng cho giải quyết vụ việc hoặc tham khảo ý kiến của những người có trình độ pháp lý (như Công chức Tư pháp cấp xã, Luật gia,

Luật sư, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Kiểm sát viên... sinh sống trong khu vực hoặc mình biết).

- Hòa giải viên cần thống nhất với các bên mâu thuẫn, tranh chấp về thời gian và địa điểm thực hiện hòa giải, thành phần tham dự hòa giải, việc hòa giải tiến hành công khai hay không công khai. Điều này nhằm tạo sự thoải mái cho các bên, tránh tình trạng cảm thấy bị gò bó, không thoải mái hoặc miễn cưỡng, không thích thành phần tham dự hòa giải.

Thời gian thực hiện các công việc trên là 03 ngày kể từ ngày được phân công hòa giải (Khoản 2 Điều 20 Luật hòa giải ở cơ sở).

2.2. Tiến hành hòa giải

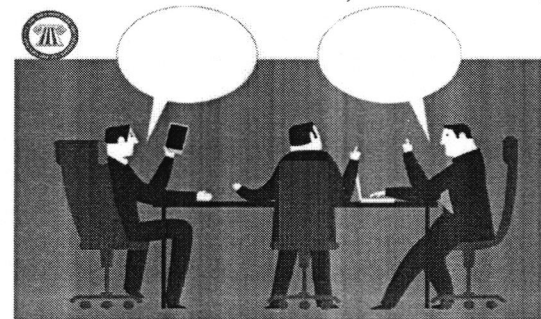
Địa điểm, thời gian thực hiện hòa giải: Địa điểm và thời gian thực hiện buổi hòa giải do hòa giải viên đã thống nhất trước đó với các bên mâu thuẫn, tranh chấp. Địa điểm có thể là nhà riêng của một bên, nhà riêng của hòa giải viên, nhà văn hóa hay địa điểm khác mà các bên cảm thấy thoải mái, dễ chịu.

Thành phần tham dự buổi hòa giải:

Thành phần tham dự buổi hòa giải gồm những người sau:

- Hòa giải viên: chủ trì buổi hòa giải.

Các bên mâu thuẫn, tranh chấp



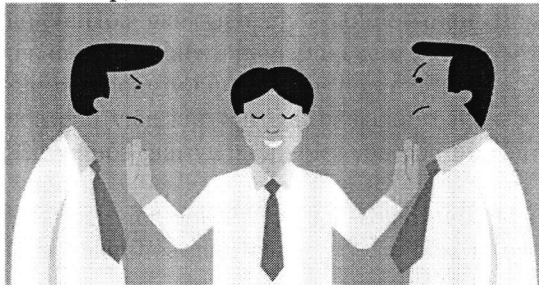
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan
- Hòa giải viên hoặc các bên có thể mời người khác tham gia hòa giải. Việc mời người khác tham gia hòa giải phải được sự đồng ý của các bên mâu thuẫn, tranh chấp. Người được mời có thể là người có uy tín trong dòng họ, ở nơi sinh sống, nơi làm việc; người có trình độ pháp lý, có kiến thức xã hội; già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo, người biết rõ vụ, việc; đại diện của cơ quan, tổ chức hoặc người có uy tín khác.

Các bước tiến hành hòa giải

Bước 1: Hòa giải viên chủ trì buổi hòa giải nêu mục đích, ý nghĩa của buổi hòa giải; thống nhất với các bên về một số quy ước, cách làm tại buổi hòa giải. Hòa giải viên phải tạo ra không khí thân mật, cởi mở và chân thành, không áp đặt ý chí của hòa giải viên đối với các bên tranh chấp, không thiên vị hay bênh vực bên nào.

Bước 2: Các bên trình bày nội dung vụ, việc
- Hòa giải viên mời từng bên trình bày sự việc. Sau khi trình bày xong, các bên có quyền bổ sung ý kiến, đưa ra luận cứ, quan điểm của mình.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phát biểu quan điểm của họ về vấn đề đang tranh chấp, mâu thuẫn.



Bước 3: Phân tích vụ việc, dẫn chiếu các quy định pháp luật.

Hòa giải viên tổng hợp lại các vấn đề tranh chấp, phân tích vụ, việc; dẫn chiếu các quy định pháp luật áp dụng đối với từng bên tranh chấp; phân tích phong tục tập quán, truyền thống đạo đức xã hội.

Hòa giải viên phân tích cho các bên hiểu rõ quyền lợi, trách nhiệm, nghĩa vụ của mình; thấy rõ hành vi ứng xử của mình phù hợp ở điểm nào, chưa phù hợp ở điểm nào.

Hòa giải viên đưa ra các phương án giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp để các bên tham khảo; các bên có quyền trình bày phương án giải quyết tranh chấp của mình.

Hòa giải viên phân tích lợi ích của việc hòa giải thành, hậu quả pháp lý mà các bên có thể phải gặp phải nếu tiếp tục tranh chấp và có những hành vi sai trái.

Người được mời tham gia hòa giải có thể phân tích, bổ sung làm rõ ý kiến của hòa giải viên.

Bước 4: Kết thúc hòa giải

- Trường hợp các bên đạt được thỏa thuận: Trên cơ sở các phương án giải quyết tranh chấp, mâu thuẫn do hòa giải viên hoặc các bên đưa ra. Các bên trao đổi, bàn bạc thống nhất phương án giải quyết tranh chấp, trách nhiệm cụ thể của từng bên, thời hạn thực hiện trách nhiệm. Hòa giải viên chốt lại nội dung thỏa thuận, trách nhiệm, nghĩa vụ của mỗi bên. Nếu các bên đồng ý lập văn bản hòa giải thành thì hòa giải viên lập văn bản hòa giải thành; các bên và hòa giải viên cùng ký văn bản hòa giải thành.

Hòa giải viên giải thích trách nhiệm thực hiện thỏa thuận hòa giải thành cho các bên, hướng

dẫn các bên có quyền lựa chọn thực hiện thủ tục đề nghị Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành ở cơ sở. Giá trị pháp lý của quyết định của Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành ở cơ sở.


- Trường hợp các bên không đạt được thỏa thuận, tức là hòa giải không thành. Hòa giải viên hướng dẫn các bên có quyền yêu cầu tiếp tục hòa giải hoặc yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật. Nếu các bên yêu cầu lập văn bản hòa giải không thành, thì hòa giải viên lập văn bản hòa giải không thành.

- Trường hợp các bên chỉ thỏa thuận được một phần những vấn đề có tranh chấp, hòa giải viên tiếp tục thuyết phục các bên bàn bạc, thỏa thuận tiếp. Nếu các bên không thống nhất được thì thuộc trường hợp hòa giải thành; nếu các bên vẫn không thống nhất được thì thuộc trường hợp hòa giải không thành



Gò Vấp, ngày 15 tháng 3 năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP PHỤ DIỄN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT



MỘT SỐ QUY ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC BẢO TRỢ, TRỢ GIÚP XÃ HỘI VÀ TRẺ EM

(Trích Nghị định số 129/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ)

BIỆU 21. VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ CHĂM SÓC, NUÔI DƯỠNG TRẺ EM

Mức phạt:
10 - 15 Triệu Đồng

a) Cha mẹ, người chăm sóc trẻ em thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ, trách nhiệm của mình trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em trừ trường hợp bị buộc phải tạm thời cách ly trẻ em hoặc trẻ em được chăm sóc thay thế theo quy định của pháp luật;

b) Cha mẹ, người chăm sóc trẻ em không quan tâm chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em, không thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm của mình trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em hoặc bỏ mặc trẻ em tự sinh sống, cắt đứt quan hệ tình cảm và vật chất với trẻ em hoặc bỏ mặc trẻ em không sống cùng gia đình, tự trưởng thành bị buộc phải tạm thời cách ly trẻ em hoặc trẻ em được chăm sóc thay thế theo quy định của pháp luật;

Mức phạt:
20 - 25 Triệu Đồng

Cha mẹ, người chăm sóc trẻ em có hành vi cố ý bỏ rơi trẻ em.

BIỆU 22. VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ CẤM ĐAU LỰC VỚI TRẺ EM

Mức phạt:
10 - 20 Triệu Đồng

a) Bắt nhin ăn, nhin uống, không cho hoặc hạn chế tự sinh cá nhân, biến sống ở nơi có môi trường độc hại, nguy hiểm hoặc các hình thức đối xử tàn tệ khác với trẻ em;

b) Gây tổn hại về tinh thần, sức phạm nhân phẩm, danh dự, tiếng tăm, chỗ ở, mạng, đe dọa, cách ly ảnh hưởng đến sự phát triển của trẻ em;

c) Cố lập, xua đuổi hoặc dùng các biện pháp trừng phạt để dạy trẻ em gây tổn hại về thể chất, tinh thần của trẻ em;

d) Thường xuyên đe dọa trẻ em bằng các hình ảnh, âm thanh, con vật, đồ vật làm trẻ em sợ hãi, tổn hại về tâm thần.

2. BIỆN PHÁP KHÁC PHỤC HẬU QUẢ:

a) Được chủ mưu chỉ phí khám bệnh, chữa bệnh (nếu có) cho trẻ em đối với hành vi vi phạm tại khoản 1 Điều này;

b) Được điều trị y tế phạm gây hại cho sức khỏe trẻ em đối với hành vi vi phạm tại khoản 1 Điều này.

BIỆU 23. VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ QUYỀN ĐƯỢC CHĂM SÓC SỨC KHỎE CỦA TRẺ EM

Mức phạt:
1 - 3 Triệu Đồng

a) Không thực hiện trách nhiệm bảo đảm chế độ dinh dưỡng phù hợp với sự phát triển thể chất, tinh thần của trẻ em theo từng độ tuổi;

b) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trách nhiệm chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng bệnh, tư vấn và hỗ trợ trẻ em trong chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe sinh dục.

Mức phạt:
3 - 5 Triệu Đồng

a) Không thực hiện, cản trở phụ nữ mang thai sản các dịch vụ y tế để được tư vấn sàng lọc, phòng ngừa các bệnh tật bẩm sinh cho trẻ em;

b) Không cấp dưỡng các quyết định, biện pháp, quy định của cơ quan, cá nhân có thẩm quyền để bảo đảm an toàn sinh mạng, sức khỏe của trẻ em;

c) Áp dụng phương pháp, tập dượt cố hãm, áp dụng hình thức sức khỏe trẻ em;

d) Không ưu tiên khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em.

BIỆU 24. VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ CẤM SỬ DỤNG, RỬ RỆ, XÚC GỘI, KÍCH ĐỘNG, LỢI DỤNG, LẠI XẾ, DÙ ĐỀ BỊ BƯỚC TRẺ EM THỰC HIỆN HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT, XÚC PHẠM DANH DỰ, NHÂN PHẨM NGƯỜI KHÁC

Mức phạt:
10 - 15 Triệu Đồng

a) Sử dụng trẻ em thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, xúc phạm nhân phẩm, danh dự của người khác mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Bù rầy trẻ em thực hiện hành vi vi phạm pháp luật: xúc phạm nhân phẩm, danh dự của người khác mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Xúc phạm, kích động trẻ em thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, xúc phạm nhân phẩm, danh dự của người khác mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

d) Lợi dụng, lợi kéo, dụ dỗ trẻ em thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, xúc phạm nhân phẩm, danh dự của người khác mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

e) Ép buộc trẻ em thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, xúc phạm danh dự, nhân phẩm người khác mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

2. BIỆN PHÁP KHÁC PHỤC HẬU QUẢ:

a) Được chủ mưu chỉ phí khám bệnh, chữa bệnh (nếu có) cho trẻ em đối với hành vi vi phạm tại khoản 1 Điều này;

* Được chủ mưu chỉ phí khám bệnh, chữa bệnh (nếu có) cho trẻ em đối với hành vi vi phạm tại khoản 1 Điều này.

BIỆU 25. VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ QUYỀN ĐƯỢC CHĂM SÓC SỨC KHỎE CỦA TRẺ EM

Mức phạt:
3 - 5 Triệu Đồng

Dạy dỗ, bài học, áp buộc trẻ em bỏ học, nghỉ học.

2. BIỆN PHÁP KHÁC PHỤC HẬU QUẢ:

* Được chủ mưu chỉ phí để mua sách, vở, đồ dùng học tập cho trẻ em đối với hành vi vi phạm tại điểm a khoản 1 Điều này.

Mức phạt:
5 - 10 Triệu Đồng

a) Không thông báo, không cung cấp hoặc che giấu thông tin về trẻ em có nguy cơ bị bóc lột, bị bán lực và có nguy cơ bị xâm hại khác cho cơ quan, cá nhân có thẩm quyền;

b) Nhận tin tức việc cung cấp thông tin về trẻ em có nguy cơ bị bóc lột, bị bán lực và có nguy cơ bị xâm hại khác cho cơ quan, cá nhân có thẩm quyền.

Mức phạt:
10 - 15 Triệu Đồng

a) Không cung cấp thông tin về trẻ em bị xâm hại cho cơ quan, cá nhân có thẩm quyền;

b) Không thông báo cho cơ quan chức năng về hành vi xâm hại trẻ em;

c) Nhận tin tức việc cung cấp thông tin về trẻ em bị xâm hại cho cơ quan, cá nhân có thẩm quyền;

d) Không cung cấp thông tin và phối hợp để thực hiện việc kiểm tra liên tục, thực hiện y tế tâm lý, tinh thần, thể chất, pháp y, pháp tâm, pháp xã hội, pháp y học, pháp y học pháp y học cho trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bóc lột, bị bán lực và có nguy cơ bị xâm hại khác;

e) Không báo cáo kịp thời, thông báo, tố giác hoặc bị xâm hại trẻ em.

Mức phạt:
20 - 30 Triệu Đồng

a) Không thực hiện đầy đủ, kịp thời việc hỗ trợ, can thiệp đối với trường hợp trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bóc lột, bị bán lực, bị rầy trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt;

b) Từ chối, không thực hiện việc hỗ trợ, can thiệp, chăm sóc thay thế đối với trường hợp trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bóc lột, bị bán lực, bị rầy trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

Mức phạt:
1 - 2 Triệu Đồng

Cản trở việc đi học của trẻ em.

BIỆU 26. VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ CẤM ĐAU LỰC ĐỐI VỚI TRẺ EM HOẶC CHƠI TRẺ EM SỬ DỤNG CHẤT GÂY NGHIỆN, CHẤT KÍCH THÍCH KHÁC, THỰC PHẨM KHÔNG BẢO ĐẢM AN TOÀN, CÓ HẠI CHO TRẺ EM; VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ CUNG CẤP SẢN PHẨM, DỊCH VỤ AN TOÀN, THÂN THIỆN VỚI TRẺ EM.

Mức phạt:
30 - 40 Triệu Đồng

a) Cung cấp sản phẩm, dịch vụ không an toàn, không thân thiện, gây tổn hại cho trẻ em; bị bắt chế gây nghiện, chất kích thích khác, thực phẩm không bảo đảm an toàn, có hại cho trẻ em;

b) Cho trẻ em sử dụng chất gây nghiện, chất kích thích khác, thực phẩm không bảo đảm an toàn, có hại cho trẻ em;

2. BIỆN PHÁP KHÁC PHỤC HẬU QUẢ:

a) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm tại khoản 1 Điều này;

b) Bị đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh sản phẩm không đảm bảo hành vi vi phạm trong thời gian từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Được chủ mưu chỉ phí khám bệnh, chữa bệnh (nếu có) cho trẻ em đối với hành vi vi phạm tại khoản 1 Điều này.

BIỆU 27. VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ CẤM LỢI DỤNG VIỆC NHẬN CHĂM SÓC THAY TRẺ TRẺ EM HỀ XÂM HẠI TRẺ EM; LỢI DỤNG CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC VÀ SỰ HỖ TRỢ, GIÚP ĐỖ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐÀNH CHO TRẺ EM HỀ TRỰC LỢI

Mức phạt:
10 - 15 Triệu Đồng

a) Lợi dụng việc nhận chăm sóc thay thế trẻ em để thực hiện hành vi gây tổn hại về thể chất, tinh thần, tâm lý, danh dự, nhân phẩm của trẻ em được nhận chăm sóc thay thế, bóc lột, bắt trẻ em làm việc nặng nhọc và các hành vi khác gây tổn hại cho trẻ em;

b) Lợi dụng chế độ, chính sách của Nhà nước và sự hỗ trợ, giúp đỡ của tổ chức, cá nhân dành cho trẻ em để trục lợi;

2. BIỆN PHÁP KHÁC PHỤC HẬU QUẢ:

a) Được chủ mưu chỉ phí để khám bệnh, chữa bệnh (nếu có) cho trẻ em đối với hành vi vi phạm tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Được nộp lại số lợi bất hợp pháp có được, đồ thực hiện hành vi vi phạm tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Được chấm dứt việc nhận chăm sóc thay thế, chuyển hành vi nhận chăm sóc thay thế trẻ em phù hợp đối với hành vi vi phạm tại điểm a khoản 1 Điều này.

CS 1.23.0009 - Thông tin năm 2022

Nnung quy định mới trong Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện được Quốc hội thảo luận, thông qua với tỉ lệ nhất trí cao tại Kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XV đã thể hiện sự tập trung cao nhất để thể chế hóa, cụ thể hóa các quan điểm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng về xây dựng, phát triển đất nước.



Luật sẽ có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1/7/2023, là hành lang pháp lý quan trọng thúc đẩy sự phát triển của hoạt động viễn thông, tạo nền tảng chuyển đổi số quốc gia, góp phần hoàn thành thắng lợi các mục tiêu phát triển đất nước đã đặt ra tại Đại hội XIII của Đảng. Những quy định đáng chú ý trong Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện.

Giới hạn tối đa tổng độ băng tần một doanh nghiệp được cấp phép

Luật bổ sung quy định về đặt ra giới hạn tối đa tổng độ rộng băng tần di động công cộng mặt đất mà một tổ chức được cấp phép sử dụng trong một băng tần hoặc trong một nhóm băng tần xác định.

Sử dụng tần số ngoài quy hoạch tần số vô tuyến điện

Cho phép cấp phép kèm theo điều kiện sử dụng đối với các trường hợp đặc biệt sử dụng tần số vô tuyến điện ngoài quy hoạch bao gồm: sử dụng cho mục đích triển lãm, đo kiểm, nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ mới; sử dụng trong các sự kiện quốc tế, hội nghị quốc tế.

Làm rõ các hình thức cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện

Luật làm rõ trường hợp nào thực hiện cấp giấy phép sử dụng tần số thông qua đấu giá, trường hợp nào thông qua thi tuyển, trường hợp nào thông qua cấp trực tiếp.

Cam kết triển khai mạng viễn thông và xử lý vi phạm cam kết

Bổ sung quy định doanh nghiệp phải có cam kết triển khai mạng viễn thông khi tham gia đấu giá thi tuyển hoặc cấp lại giấy phép sử dụng băng tần. Khi vi phạm cam kết triển khai mạng viễn thông thì bị đình chỉ có thời hạn một phần quyền sử dụng tần số vô tuyến điện.

Cam kết triển khai mạng viễn thông và xử lý vi phạm cam kết

Bổ sung quy định doanh nghiệp phải có cam kết triển khai mạng viễn thông khi tham gia đấu giá thi tuyển hoặc cấp lại giấy phép sử dụng băng tần. Khi vi phạm cam kết triển khai mạng viễn thông thì bị đình chỉ có thời hạn một phần quyền sử dụng tần số vô tuyến điện.

Phòng Văn hoá và Thông tin quận Gò Vấp
Tháng 3-2023

Nnung quy định mới trong Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện

Cấp lại giấy phép sử dụng băng tần

Luật bổ sung quy định cho phép cấp lại giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đối với toàn bộ khối băng tần đã cấp trước đó khi giấy phép đã cấp hết hiệu lực nếu quy hoạch băng tần không thay đổi các khối đã phân chia và doanh nghiệp đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính, có đủ các điều kiện để cấp lại giấy phép theo quy định.

Ưu tiên cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện

Bổ sung khoản thu tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với băng tần, kênh tần số mang lại giá trị kinh tế cao theo quy định của Chính phủ.

Thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện

Luật quy định thu hồi giấy phép khi: i) tổ chức, cá nhân không nộp đủ phí sử dụng, tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện nhưng không khắc phục để nộp đủ trong thời hạn 12 tháng; ii) không khắc phục vi phạm về cam kết triển khai mạng viễn thông sau thời hạn bị đình chỉ một phần quyền sử dụng tần số vô tuyến điện.

Sử dụng băng tần để phát triển kinh tế kết hợp với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh

Bổ sung quy định, trường hợp đặc biệt, doanh nghiệp nhà nước trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh được cấp trực tiếp băng tần để thiết lập mạng viễn thông công cộng di động mặt đất với thời hạn không quá 03 năm và được gia hạn tối đa 12 năm để phát triển kinh tế kết hợp với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

Các doanh nghiệp này có nghĩa vụ nộp phí, tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với lượng tần số sử dụng cho phát triển kinh tế.

Điều khoản chuyển tiếp

Các tổ chức đã được cấp giấy phép sử dụng băng tần để thiết lập mạng viễn thông công cộng di động mặt đất mà hết hạn trước 16/9/2024 thì không phải nộp tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với thời hạn còn lại của giấy phép nhưng không được gia hạn giấy phép; những giấy phép hết hạn trước ngày 06/9/2023 thì được gia hạn đến hết ngày 15/9/2024 và không phải nộp tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với lượng tần số sử dụng cho phát triển kinh tế.

NHỮNG QUY ĐỊNH ĐÁNG CHÚ Ý TRONG LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

- GIỚI HẠN TỐI ĐA TỔNG ĐỘ BĂNG TẦN MỘT DOANH NGHIỆP ĐƯỢC CẤP PHÉP**
Luật bổ sung quy định về đặt ra giới hạn tối đa tổng độ rộng băng tần di động công cộng mặt đất mà một tổ chức được cấp phép sử dụng trong một băng tần hoặc trong một nhóm băng tần xác định.
- SỬ DỤNG TẦN SỐ NGOÀI QUY HOẠCH TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN**
Cho phép cấp phép kèm theo điều kiện sử dụng đối với các trường hợp đặc biệt sử dụng tần số vô tuyến điện ngoài quy hoạch bao gồm: sử dụng cho mục đích triển lãm, đo kiểm, nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ mới; sử dụng trong các sự kiện quốc tế, hội nghị quốc tế.
- LÀM RÕ CÁC HÌNH THỨC CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN**
Luật làm rõ trường hợp nào thực hiện cấp giấy phép sử dụng tần số thông qua đấu giá, trường hợp nào thông qua thi tuyển, trường hợp nào thông qua cấp trực tiếp.
- CAM KẾT TRIỂN KHAI MẠNG VIỄN THÔNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM CAM KẾT**
Bổ sung quy định doanh nghiệp phải có cam kết triển khai mạng viễn thông khi tham gia đấu giá, thi tuyển hoặc cấp lại giấy phép sử dụng băng tần. Khi vi phạm cam kết triển khai mạng viễn thông thì bị đình chỉ có thời hạn một phần quyền sử dụng tần số vô tuyến điện.
- CẤP LẠI GIẤY PHÉP SỬ DỤNG BĂNG TẦN**
Luật bổ sung quy định cho phép cấp lại giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đối với toàn bộ khối băng tần đã cấp trước khi giấy phép đã cấp hết hiệu lực nếu quy hoạch băng tần không thay đổi các khối đã phân chia và doanh nghiệp đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính, có đủ các điều kiện để cấp lại giấy phép theo quy định.
- TIỀN CẤP QUYỀN SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN**
Bổ sung khoản thu tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với băng tần, kênh tần số mang lại giá trị kinh tế cao theo quy định của Chính phủ.
- THU HỒI GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN**
Luật quy định thu hồi giấy phép khi: i) tổ chức, cá nhân không nộp phí sử dụng, tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện nhưng không khắc phục để nộp đủ trong thời hạn 12 tháng; ii) không khắc phục vi phạm về cam kết triển khai mạng viễn thông sau thời hạn bị đình chỉ một phần quyền sử dụng tần số vô tuyến điện.
- SỬ DỤNG BĂNG TẦN ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ KẾT HỢP VỚI NHIỆM VỤ QUỐC PHÒNG, AN NINH**
Bổ sung quy định, trường hợp đặc biệt, doanh nghiệp nhà nước trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh được cấp trực tiếp băng tần để thiết lập mạng viễn thông công cộng di động mặt đất mà hết hạn trước 16/9/2024 thì không phải nộp tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với thời hạn còn lại của giấy phép nhưng không được gia hạn giấy phép, những giấy phép hết hạn trước ngày 06/9/2023 thì được gia hạn đến hết ngày 15/9/2024 và không phải nộp tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện.
- THU HỒI GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN**
Các tổ chức đã được cấp giấy phép sử dụng băng tần để thiết lập mạng viễn thông công cộng di động mặt đất mà hết hạn trước 16/9/2024 thì không phải nộp tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với thời hạn còn lại của giấy phép nhưng không được gia hạn giấy phép, những giấy phép hết hạn trước ngày 06/9/2023 thì được gia hạn đến hết ngày 15/9/2024 và không phải nộp tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện.

ĐIỀU 3. HÀNH VI BẠO LỰC GIA ĐÌNH

1. Hành vi bạo lực gia đình bao gồm:

- a) Hành hạ, ngược đãi, đánh đập, đe dọa hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khỏe, tính mạng;
- b) Lăng mạ, chì chiết hoặc hành vi cố ý khác xúc phạm danh dự, nhân phẩm;
- c) Cường ép chứng kiến bạo lực đối với người, con vật nhằm gây áp lực thường xuyên về tâm lý;

d) Bỏ mặc, không quan tâm; không nuôi dưỡng, chăm sóc thành viên gia đình là trẻ em, phụ nữ mang thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, người cao tuổi, người khuyết tật, người không có khả năng tự chăm sóc; không giáo dục thành viên gia đình là trẻ em;

đ) Kỳ thị, phân biệt đối xử về hình thể, giới, giới tính, năng lực của thành viên gia đình;

e) Ngăn cản thành viên gia đình gặp gỡ người thân, có quan hệ xã hội hợp pháp, lành mạnh hoặc hành vi khác nhằm cô lập, gây áp lực thường xuyên về tâm lý;

g) Ngăn cản việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong quan hệ gia đình giữa ông, bà và cháu; giữa cha, mẹ và con; giữa vợ và chồng; giữa anh, chị, em với nhau;

h) Tiết lộ hoặc phát tán thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình của thành viên gia đình nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm;



(Hình ảnh minh họa)

i) Cường ép thực hiện hành vi quan hệ tình dục trái ý muốn của vợ hoặc chồng;

k) Cường ép trình diễn hành vi khiêu dâm; cường ép nghe âm thanh, xem hình ảnh, đọc nội dung khiêu dâm, kích thích bạo lực;

l) Cường ép tảo hôn, kết hôn, ly hôn hoặc cản trở kết hôn, ly hôn hợp pháp;

m) Cường ép mang thai, phá thai, lựa chọn giới tính thai nhi;

n) Chiếm đoạt, hủy hoại tài sản chung của gia đình hoặc tài sản riêng của thành viên khác trong gia đình;

o) Cường ép thành viên gia đình học tập, lao động quá sức, đóng góp tài chính quá khả năng của họ; kiểm soát tài sản, thu nhập của thành viên gia đình nhằm tạo ra tình trạng lệ thuộc về mặt vật chất, tinh thần hoặc các mặt khác;

p) Cô lập, giam cầm thành viên gia đình;

q) Cường ép thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở hợp pháp trái pháp luật.

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN CÔNG VẤP

2. Hành vi bạo lực gia đình là hành vi được thực hiện giữa người đã ly hôn, người chung sống như vợ chồng; người là cha, mẹ con riêng, anh, chị, em của người đã ly hôn, của người chung sống như vợ chồng; người và người có quan hệ cha mẹ nuôi con nuôi với nhau cũng được xác định là hành vi bạo lực gia đình theo quy định của pháp luật.

MỘT SỐ ĐIỀU 5. CÁC HÀNH VI BỊ NGHIÊM CẤM TRONG PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH LUẬT PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH (Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2023)

1. Hành vi bạo lực gia đình quy định tại Điều 3 của Luật này;

2. Kích động, xúi giục, lôi kéo, dụ dỗ, giúp sức, che giấu hoặc khác thuộc diện hành vi bạo lực gia đình;

3. Sử dụng, truyền bá thông tin, tài liệu, hình ảnh, âm thanh nhằm kích động bạo lực gia đình;

4. Trả thù, đe dọa trả thù người giúp đỡ người bị bạo lực gia đình, người bị hại hoặc người thân, người ngăn chặn, xử lý hành vi bạo lực gia đình;

(Theo Điều 3, Điều 5, Điều 6, Điều 9, Điều 10, Điều 11 và Điều 12 Chương I, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình)

5. Sử dụng, truyền bá thông tin, tài liệu, hình ảnh, âm thanh nhằm kích động bạo lực gia đình; ngăn chặn, xử lý hành vi bạo lực gia đình;

6. Lợi dụng hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình để thực hiện hành vi trái pháp luật.

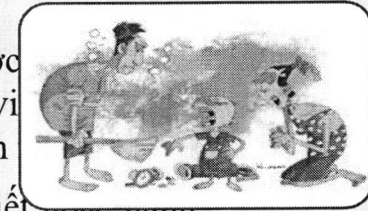


(Hình ảnh minh họa)

7. Dung túng, bao che, không xử lý, xử lý không đúng quy định của pháp luật đối với hành vi bạo lực gia đình.

ĐIỀU 6. CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC VỀ PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH

1. Nhà nước bố trí ngân sách để thực hiện hiệu quả công tác phòng, chống bạo lực gia đình; ưu tiên vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.



(Hình ảnh minh họa)

2. Khuyến khích cơ quan, tổ chức, cá nhân ưu tiên hỗ trợ, tạo điều kiện cho, đóng góp, hỗ trợ, ủng hộ, đầu tư kinh phí, nhân lực, cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị công nghệ để phòng, chống bạo lực gia đình; hợp tác quốc tế về phòng, chống bạo lực gia đình; phát triển các mô hình, tư tưởng xây dựng gia đình hạnh phúc, phòng ngừa bạo lực gia đình và hỗ trợ người bị bạo lực gia đình; phát triển mạng lưới cộng tác viên dân số tham gia công tác gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình và hỗ trợ cộng đồng;

3. Khuyến khích sáng tác văn học, nghệ thuật về phòng, chống bạo lực gia đình; đầu tư công nghệ thông tin trong phòng, chống bạo lực gia đình;

4. Khuyến khích thành lập, tổ chức, cá nhân có hành vi trong phòng, chống bạo lực gia đình; có chế độ hỗ trợ để bù đắp tổn hại về sức khỏe, tính mạng và thiệt hại về tài sản cho cá nhân tham gia phòng, chống bạo lực gia đình;

5. Hỗ trợ việc bồi dưỡng nâng cao năng lực đối với người làm công tác phòng, chống bạo lực gia đình;

6. Hỗ trợ việc bồi dưỡng nâng cao năng lực đối với người làm công tác phòng, chống bạo lực gia đình;

7. Hỗ trợ việc bồi dưỡng nâng cao năng lực đối với người làm công tác phòng, chống bạo lực gia đình;

8. Hỗ trợ việc bồi dưỡng nâng cao năng lực đối với người làm công tác phòng, chống bạo lực gia đình;

9. Hỗ trợ việc bồi dưỡng nâng cao năng lực đối với người làm công tác phòng, chống bạo lực gia đình;

10. Hỗ trợ việc bồi dưỡng nâng cao năng lực đối với người làm công tác phòng, chống bạo lực gia đình;

11. Hỗ trợ việc bồi dưỡng nâng cao năng lực đối với người làm công tác phòng, chống bạo lực gia đình;

12. Hỗ trợ việc bồi dưỡng nâng cao năng lực đối với người làm công tác phòng, chống bạo lực gia đình;



(Hình ảnh minh họa)

h) Tiết lộ đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm;

i) Cường ép chứng kiến bạo lực đối với người, con vật nhằm gây áp lực thường xuyên về tâm lý;

j) Cường ép thực hiện hành vi quan hệ tình dục trái ý muốn của vợ hoặc chồng;

k) Cường ép trình diễn hành vi khiêu dâm; cường ép nghe âm thanh, xem hình ảnh, đọc nội dung khiêu dâm, kích thích bạo lực;

l) Cường ép tảo hôn, kết hôn, ly hôn hoặc cản trở kết hôn, ly hôn hợp pháp;

m) Cường ép mang thai, phá thai, lựa chọn giới tính thai nhi;

n) Chiếm đoạt, hủy hoại tài sản chung của gia đình hoặc tài sản riêng của thành viên khác trong gia đình;

o) Cường ép thành viên gia đình học tập, lao động quá sức, đóng góp tài chính quá khả năng của họ; kiểm soát tài sản, thu nhập của thành viên gia đình nhằm tạo ra tình trạng lệ thuộc về mặt vật chất, tinh thần hoặc các mặt khác;

p) Cô lập, giam cầm thành viên gia đình;

q) Cường ép thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở hợp pháp trái pháp luật;

r) Cường ép thực hiện hành vi quan hệ tình dục trái ý muốn của vợ hoặc chồng;

s) Cường ép trình diễn hành vi khiêu dâm; cường ép nghe âm thanh, xem hình ảnh, đọc nội dung khiêu dâm, kích thích bạo lực;

t) Cường ép tảo hôn, kết hôn, ly hôn hoặc cản trở kết hôn, ly hôn hợp pháp;

u) Cường ép mang thai, phá thai, lựa chọn giới tính thai nhi;

ĐIỀU 9. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI BỊ BẠO LỰC GIA ĐÌNH

1. Người bị bạo lực gia đình có các quyền sau đây:

a) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền bảo vệ sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm, quyền và lợi ích hợp pháp khác có liên quan đến hành vi bạo lực gia đình;

b) Yêu cầu cơ quan, cá nhân có thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn, bảo vệ, hỗ trợ theo quy định của Luật này;

c) Được bố trí nơi tạm lánh, giữ bí mật về nơi tạm lánh và thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan;

d) Được cung cấp dịch vụ y tế, tư vấn tâm lý, kỹ năng để ứng phó với bạo lực gia đình, trợ giúp pháp lý và trợ giúp xã hội theo quy định của pháp luật;

đ) Yêu cầu người có hành vi bạo lực gia đình khắc phục hậu quả, bồi thường tổn hại về sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và thiệt hại về tài sản;

e) Được thông tin về quyền và nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp giữa các thành viên gia đình, xử lý hành vi bạo lực gia đình;

g) Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện đối với hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình;

h) Quyền khác theo quy định của pháp luật có liên quan đến phòng, chống bạo lực gia đình.

2. Người bị bạo lực gia đình, người giám hộ hoặc người đại diện theo pháp luật của người bị bạo lực gia đình có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin liên quan đến hành vi bạo lực gia đình khi có yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền.

ĐIỀU 10. TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI CÓ HÀNH VI BẠO LỰC GIA ĐÌNH

1. Người có hành vi bạo lực gia đình có trách nhiệm sau đây:

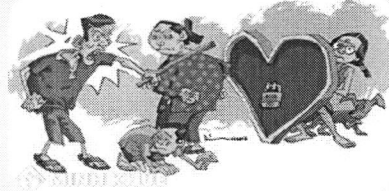
a) Chấm dứt hành vi bạo lực gia đình;

b) Chấp hành yêu cầu, quyết định của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền khi áp dụng biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, bảo vệ, hỗ trợ và xử lý vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình;

c) Kịp thời đưa người bị bạo lực gia đình đi cấp cứu, điều trị. Chăm sóc người bị bạo lực gia đình, trừ trường hợp người bị bạo lực gia đình, người giám hộ hoặc người đại diện theo pháp luật của người

đ) Bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do mình gây ra cho người bị bạo lực gia đình, người tham gia phòng, chống bạo lực gia đình và tổ chức, cá nhân khác.

2. Người có hành vi bạo lực gia đình là người giám hộ hoặc người đại diện theo pháp luật của người bị bạo lực gia đình thì không được thực hiện quyền của người giám hộ, người đại diện theo pháp luật quy định của Luật này đối với vụ việc bạo lực gia đình do mình thực hiện.



(Hình ảnh minh họa)

ĐIỀU 11. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN GIA ĐÌNH TRONG PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH

1. Giáo dục, nhắc nhở thành viên gia đình thực hiện quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình, hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp giữa các thành viên gia đình; yêu cầu người có hành vi bạo lực gia đình chấm dứt ngay hành vi bạo lực gia đình; tham gia chăm sóc người bị bạo lực gia đình.

3. Phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư trong phòng, chống bạo lực gia đình.

4. Thực hiện các biện pháp trong phòng, chống bạo lực gia đình theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

ĐIỀU 12. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁ NHÂN TRONG PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH

1. Được khen thưởng khi có thành tích trong phòng, chống bạo lực gia đình theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng; được bảo vệ, giữ bí mật về thông tin cá nhân khi báo tin, tố giác hành vi bạo lực gia đình; được Nhà nước hỗ trợ để bù đắp tổn hại về sức khỏe, tính mạng và thiệt hại về tài sản khi tham gia phòng, chống bạo lực gia đình theo quy định của Chính phủ.

2. Cá nhân khi phát hiện hành vi bạo lực gia đình có trách nhiệm sau đây:

a) Báo tin, tố giác ngay cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật này;

b) Tham gia bảo vệ, hỗ trợ người bị bạo lực gia đình và các hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình ở cộng đồng.



ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP

Phòng Văn Hóa Và Thông Tin

MỘT SỐ QUY ĐỊNH LUẬT PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH

(Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2023)

(Theo Điều 3, Điều 5, Điều 6, Điều 9, Điều 10, Điều 11 và Điều 12 Chương I, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình)

Gò Vấp, Tháng 3 năm 2023

UBND QUẬN GÒ VẤP
HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

MỘT SỐ QUY ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH
TRONG LĨNH VỰC CHỨNG THỰC

(Trích Điều 34 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP
ngày 15/7/2020 của Chính phủ)

Phạt tiền từ
1.000.000 đồng đến
3.000.000 đồng

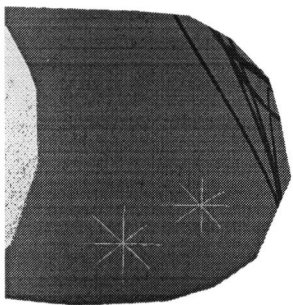
1

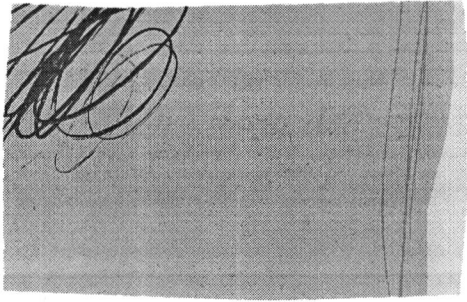
hành vi tẩy xóa, sửa chữa làm sai
lệch nội dung của bản chính để
yêu cầu chứng thực bản sao

- a) Giả mạo chữ ký của người thực hiện chứng thực;
- b) Không thực hiện yêu cầu chứng thực đúng thời hạn theo quy định;
- c) Chứng thực ngoài trụ sở của tổ chức thực hiện chứng thực, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;
- d) Từ chối yêu cầu chứng thực không đúng quy định của pháp luật;
- đ) Không bố trí người tiếp nhận yêu cầu chứng thực các ngày làm việc trong tuần; không niêm yết công khai lịch làm việc, thẩm quyền, thủ tục, thời gian giải quyết, phí, chi phí chứng thực tại trụ sở của tổ chức thực hiện chứng thực;
- e) Không ghi hoặc ghi không rõ địa điểm chứng thực; thực hiện chứng thực ngoài trụ sở mà không ghi rõ thời gian (giờ, phút) chứng thực;
- g) Ghi lời chứng không đúng mẫu theo quy định của pháp luật;

Phạt tiền từ
3.000.000 đồng đến
5.000.000 đồng

2

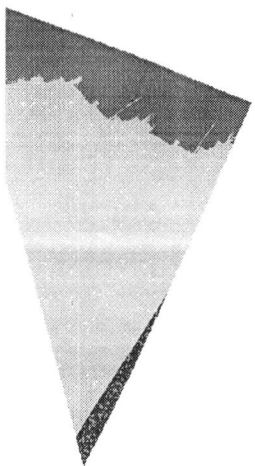




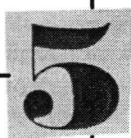
*Phạt tiền từ
7.000.000 đồng đến
10.000.000 đồng*



- a) Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản bị tẩy xóa, sửa chữa, thêm, bớt nội dung không hợp lệ; bản chính bị hư hỏng, cũ nát, không xác định được nội dung;
- b) Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc chứng nhận mà chưa được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi, có lại;
- c) Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản đóng dấu mật của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc không đóng dấu mật nhưng ghi rõ không được sao chụp;
- d) Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cá nhân tự lập mà không có xác nhận và đóng dấu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;
- đ) Chứng thực chữ ký trong trường hợp người yêu cầu chứng thực xuất trình bản chính hoặc bản sao có chứng thực thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu không còn giá trị sử dụng;
- e) Chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản có nội dung là hợp đồng, giao dịch, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;
- g) Chứng thực chữ ký có liên quan đến tài sản, lợi ích của bản thân mình hoặc của những người thân thích là vợ, chồng; cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi; cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi của vợ hoặc chồng; con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể; ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại; anh, chị, em ruột; anh, chị, em ruột của vợ hoặc chồng; cháu là con của con đẻ, con nuôi của người chứng thực.



*Ước quyền sử dụng thẻ
ông chứng viên từ 09
tháng đến 12 tháng*



- a) Chứng thực bản sao từ bản chính hoặc chữ ký trong giấy tờ, văn bản có nội dung trái pháp luật, đạo đức xã hội; tuyên truyền, kích động chiến tranh, chống chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam; xuyên tạc lịch sử của dân tộc Việt Nam; xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân, tổ chức; vi phạm quyền công dân;
- b) Chứng thực bản sao từ bản chính mà không đối